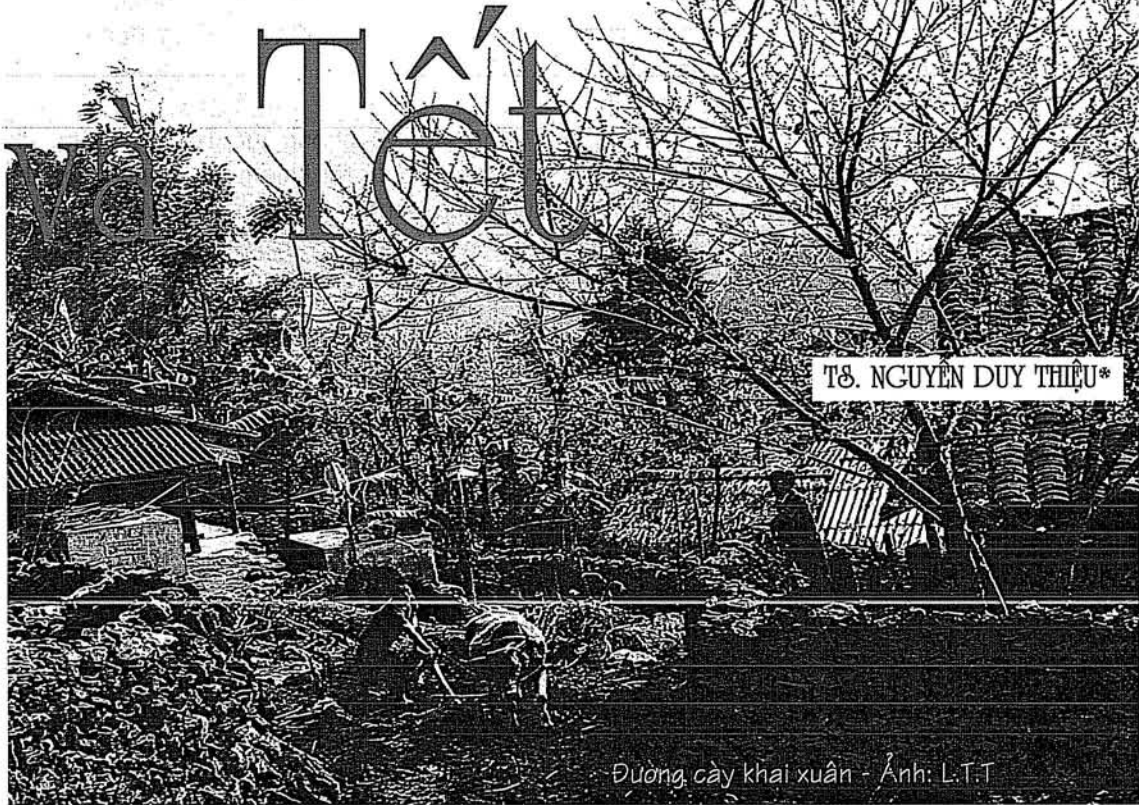


# Tiết-Nghi lễ nông nghiệp



Vào năm 1979, hồi đó mới là một sinh viên ra trường chưa được bao lâu, sau một thời gian dạy dỗ cách làm dân tộc học điền dã, Cụ Từ Chi đã dắt chúng tôi vào Bù Đăng, Bù Đốp ở Phước Long để khảo sát người Stiêng. Tôi được giao tìm hiểu về nông nghiệp cổ truyền của tộc người này. Và tôi đã bắt đầu công việc của mình bằng cách tính nông lịch. Một buổi sáng của ngày đầu tiên trôi qua mà người Stiêng vẫn khẳng định lịch của họ chỉ có 10 tháng - tôi đành bất lực. Buổi tối tôi thưa lại với Cụ Từ tình trạng trên. Cụ cười hiền lành và chậm rãi nói: "người Stiêng đúng, thông thường lịch nông nghiệp chỉ có 10 tháng, tôi có quan sát cách thăm hỏi tư liệu của cậu, buổi đầu ngỡ như vậy là chuyện thường, lúc về đến Hà Nội nhớ nhắc để tôi lấy cuốn sách, nghĩa tiếng Việt là: *Sự bí ảo của người đàn bà*, tôi sẽ giảng cho cậu. Muốn biết qua về các cách tính lịch cổ phải biết cuốn sách này". Từ đó chúng tôi mới học về nông lịch và về nghi lễ nông nghiệp. Nhưng đã hơn 20 năm trôi qua mà chẳng học được là mấy để đến nỗi hiểu biết về tết thật lơ mơ...

**Cách tính lịch nông nghiệp - Thời điểm tết** Chữ "Tết" bắt nguồn từ chữ "tiết", một từ chỉ thời điểm chuyển đoạn mang tính chu kỳ của thời tiết/khí hậu. Trong một chu kỳ thời tiết/khí hậu của một năm, có rất nhiều "tiết" và tương ứng với nó là các "tết". Ví dụ: tiết 1/1; tiết 3/3; tiết 5/5; tiết 15/8; tiết 9/9... tương ứng với các thời điểm này là tết Nguyên đán, Thanh minh, Đoan Ngọ, Trung thu, Trùng cửu... Đối với một bộ phận cư dân trên thế giới, trong đó có người Việt (Kinh), thì tết 1/1- tết Nguyên Đán là lớn nhất, bởi tết này khởi đầu cho một năm mới (*Nguyên là bắt đầu; Đán là buổi sớm mai*). Đương nhiên việc xác định lịch, dù là dương lịch hay âm lịch, không chỉ thuần túy dựa vào tiết/khí hậu, mà người xưa còn phải dựa vào cơ sở của các tri thức thiên văn rất phức tạp, những thứ mà không phải ai cũng có thể hiểu biết được.

Trong thời kỳ mà nhân loại chưa có tri thức thiên văn, cư dân nông nghiệp tự xác định cho

mình một thứ lịch được gọi là nông lịch. Có thể nói "nông lịch" là sự tích tụ cả một hệ thống tri thức cổ của loài người. Nói cho chính xác, đây là một khung thời gian được tính theo cách cảm nhận và quan sát trực tiếp về sự tương ứng giữa tiết/khí hậu với chu kỳ phát triển của cây trồng hoặc các hiện tượng thường xuyên của tự nhiên xảy ra theo từng chu kỳ cố định, để từ đó mà định ra các khâu lao tác cụ thể cho nhà nông. Theo cách hiểu này, một năm tức là một mùa rẫy (hoặc mùa ruộng). Thí dụ: một năm cụ thể của người Mnông Gah là thời gian một vụ rẫy mà tộc người này canh tác tại khu rừng có đá thần Gôo, nói theo tiếng bản địa của họ là: "Hii saa Brieri Mau - Yang Gôo" mà nhà Dân tộc học lớn người Pháp", GS. G. Condominas đã sử dụng để đặt tên cho một tác phẩm bất hủ của ông là: "Nous avons mangé la forêt" ( Chúng tôi ăn rừng - Flammarion, Paris, 1982).

Đến nay, các loại lịch được tính theo các cách vừa đề cập vẫn còn tồn tại cùng nhiều tộc người ở khu vực miền núi. Ví dụ, nông lịch của người Stiêng. Stiêng là một trong những nhóm cư dân "tiền Đông Dương", thuộc nhóm Nam Á, cũng là "bà con" gần của người Mnông cư trú ở Nam Tây Nguyên, sinh sống chính bằng canh tác nương rẫy, họ có cách tính lịch riêng của mình. Người Stiêng dựa vào trăng để tính tháng, họ gọi trăng là *Khay*. Một khay (tháng) là một chu kỳ trăng từ lúc: trăng mọc (*khay hao*) đến lúc trăng tròn (*điêng khay*), trăng mọc về khuya (*kôn khay*), trăng khuyết (*khay xriết*) đến hết trăng (*léc khay*). Tên tháng được đặt theo số thứ tự (1, 2...), và một năm trong nông lịch Stiêng chỉ có 10 tháng. Để tính một mùa rẫy (1 năm) người Stiêng kết hợp tuần trăng với các hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên cứ lặp đi lặp lại mà họ quan sát được trong cuộc sống hàng ngày. Sự kết hợp trên đây được cố định lại bằng các câu văn vần để dễ nhớ. Mỗi tháng đều trùng với một hoặc vài hiện tượng trong tự nhiên và tương ứng với một khâu lao tác trong chu kỳ nông nghiệp của họ (xem bảng sau).

Bảng 1: Nông lịch của người Stiêng

THÁNG (KHAY)	CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN LIÊN QUAN TỚI CHU KỲ NÔNG NGHIỆP
<b>Khay Muôi</b>	<b>Khay muôi Kách</b> (tháng một, suốt lúa muộn). <b>Khay muôi Rách Pum</b> (tháng một dây củ mài rụng)

	<b>Khay muôi Tum tấp, Khay muôi lấp Bbrii, doi Bbrii</b> (tháng một con cang tôm để trứng); tháng một vào rừng xem rẫy, chọn rẫy.
<b>Khay Par</b>	<b>Đe Kon Rkây; Xôn Wuyar</b> (tháng hai, lộn rừng để con, nôm Chà gạt - một loại dao phát - chuẩn bị phát rẫy).
<b>Khay Pay</b>	<b>Đe Kon Đưng</b> (tháng ba, mùa con dơi để con, bay ra bầu trời)
<b>Khay Pưôn</b>	<b>Huôn băng rằm</b> (tháng tư măng ở bia rẫy mọc).
<b>Khay Prăm</b>	<b>Huôn Băng Bbrii</b> (tháng năm măng rừng mọc)
<b>Khay Prầu</b>	<b>Đbrau klang xará</b> (tháng sáu chim Klang kêu)
<b>Khay Pơh</b>	<b>Tơh krong, tơh yang</b> (tháng bảy lúa sớm trở đồng)
<b>Khay Pham</b>	<b>Mram yang</b> (tháng tám lúa sớm chín)
<b>Khay Xing</b>	<b>Ling-ginl xah pồh</b> (tháng chín gió lạnh nhẹ thổi)
<b>Khay Đất</b>	<b>Tách baa nhi</b> (tháng mười mang lúa về kho lúa)

Vậy là trong quan niệm của người Stiêng, thời gian được gọi là các tháng, tức là thời gian tương ứng với một khâu lao tác chính trong nền nông nghiệp rẫy. Một năm tức là một chu kỳ rẫy. Thời gian vui chơi (năm trong *khay\_muôi*) - thời gian mà con người trở về với giai đoạn bắt đầu trong quan niệm về vũ trụ, người Stiêng nhập lại làm một - nếu cần thì họ gọi cả thời gian (tương ứng với 3 tháng) này là *khay Rlu* tức tháng ăn chơi. Điều thú vị là những tháng có các khâu lao tác quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, người Stiêng đều tổ chức một lễ, lễ lớn nhất được tổ chức sau khi hoàn thành việc đưa lúa về kho - có thể coi đây như là "tết" của họ chăng?

Thời tiết tại khu vực miền núi phía Bắc khác với thời tiết ở khu vực Tây Nguyên. Hơn nữa việc trồng lúa nước so với lúa khô cũng có những đặc thù riêng. Mặc dù trồng lúa nước là chính, nhưng người Thái là tộc người kết hợp mô hình nông nghiệp nương - rẫy, bởi vậy mà nông lịch của họ lại mang sắc thái riêng.

XEM BẢNG SAU:

**NÔNG LỊCH CỦA NGƯỜI THÁI Ở TÂY - BẮC VIỆT NAM**

Tháng			Các khâu lao tác trong chu kỳ sản xuất nông nghiệp
Dương lịch	Âm lịch	Lịch Thái	
2	1	7	Phát nương, gieo trồng ngô sớm.
3	2	8	Dọn đất nương, làm thủy lợi, đắp bờ ruộng, gieo lúa, ngô nương, gieo mạ mùa.
4	3	9	Thu lúa nương, cày, bừa, đắp bờ ruộng, làm cỏ cho ngô sớm trên nương.
5	4	10	Làm cỏ nương, bừa ruộng.
6	5	11	Cấy và làm cỏ cho ngô trên nương.
7	6	12	Cày ruộng làm cỏ cho lúa và ngô trên nương.
8	7	1	Làm cỏ nương, cấy... kịp vụ, thu ngô nương.
9	8	2	Thu lúa nương, tháo nước, bắt cá ruộng.
10	9	3	Nghỉ ngơi, hoặc thu lúa sớm.
11	10	4	Thu lúa ruộng.
12	11	5	Thu nốt lúa ruộng rồi nghỉ ngơi.
1	12	6	Nghỉ ngơi.

Nhìn trên nông lịch Thái chúng ta nhận thấy dường như một chu kỳ nông nghiệp được bắt đầu vào khoảng tháng 8 tháng 9 lịch Thái, tương đương với tháng 5 tháng 6 của Dương lịch. Người Thái đón tết vào giữa tháng 2 âm lịch (giữa tháng 3 dương lịch), thời điểm mà khí hậu vùng Tây - Bắc chuyển từ mùa khô sang mùa mưa.

Tài liệu Dân tộc học cho thấy tết năm mới là một nghi thức được tiến hành để đánh dấu thời điểm mở đầu một chu kỳ thời gian một năm. Nói chung đây là thời điểm chuyển đoạn một chu kỳ thời tiết. Mọi dân tộc trên thế giới đều chọn sự chuyển đoạn từ mùa Đông sang mùa Xuân (với những nơi có 4 mùa) hoặc từ mùa khô sang

mùa mưa (với những nơi chỉ có hai mùa) để làm mốc cho một năm. Và, tết năm mới chính là ngày đầu tiên của sự chuyển đoạn ấy. Vào thời điểm này ở tất cả mọi nơi trên trái đất cỏ cây hoa lá đều đâm chồi, nảy lộc, muôn thú sinh sôi, muôn loài nảy nở...

Ở Việt Nam, vào lúc đất trời chuyển đổi mùa Đông sang mùa Xuân (miền Bắc), mùa khô sang mùa mưa (miền Nam) cũng là lúc mùa màng đã xong, một chu kỳ nông nghiệp đã kết thúc. Như đã nói ở trên, trong nông lịch của các tộc ít người bao giờ cũng có 2 đến 3 tháng nghỉ ngơi, những tháng nghỉ ngơi này được nhập làm một và chủ yếu để tổ chức các nghi lễ tạ ơn đất trời đã cho mùa vụ tốt tươi và để nhớ về tổ tiên

giống nòi...

Có thể nói, cho tới nay, chưa ai xác định được người Việt (Kinh) theo Tết Nguyên Đán từ bao giờ, trước đó cha ông ta "ăn tết" vào thời điểm nào. Để có thể hiểu biết đôi ba điều, trước tiên chúng ta thử lần tìm lại lịch sử. Các nhà sử học vẫn thường nói, vào thời đại Đông Sơn, là thời kỳ mà nền văn hoá của các tộc người ở Đông Nam Á phát triển tương đồng và rục rờ nhất. Còn sau đó nền văn hoá của các tộc người ở khu vực này dần dần bị lu mờ bởi ảnh hưởng của hai nền văn minh lân



“Tướng giặc” trong hội Phù Đổng

cận: văn minh Ấn Độ và Văn minh Trung Hoa. Hai nền văn minh này đã được áp đặt đối với Đông Nam Á trong hàng chục thế kỷ, đến mức khi người Châu Âu bắt gặp khu vực Đông Nam Á họ đã đặt cho vùng này những cái tên như Greater India (Đại Ấn) hoặc Indochina (Trung-Ấn: Đông Dương). Trước khi bị Hán hoá hoặc ấn hoá, người Việt (Kinh) đã ăn tết vào thời điểm nào? Chúng ta có cơ sở để nghĩ rằng, cũng giống như các cư dân nông nghiệp khác tại khu vực Đông Nam Á, cha ông ta cũng ăn tết vào dịp kết thúc một chu kỳ nông nghiệp cũ và sắp mở đầu cho một chu kỳ nông nghiệp mới. Cần nhớ rằng vào thời bấy giờ nông nghiệp chỉ có một vụ, hình thức thuỷ lợi lúc đó là hình thức "chờ nước trời". Nghĩa là tết diễn ra ở giai đoạn chuyển từ mùa khô sang mùa mưa. Nhưng có một câu hỏi khác cũng được đặt ra, cha ông ta đã ăn tết Nguyên Đán từ bao giờ? khó ai có thể trả lời được câu hỏi này, bởi lẽ từ nơi khởi nguyên bên đất Trung Hoa, thì Tết Nguyên Đán cũng mãi sau này mới thành lịch ổn định. Sách ghi: còn ở Tàu, không phải ngay

từ đầu, không phải lúc nào, tháng Giêng cố định là tháng Tết. Đời nhà Hạ (2205-1766 TCN) thích màu đen, chọn tháng Dần làm tháng đầu năm để ăn tết. Đến đời nhà Thương (1776-1122 TCN) thì thích màu trắng, đổi lại Tết nhằm vào tháng Chạp, tức tháng Sửu. Đời nhà Chu (1122-256 TCN) ưa sắc đỏ, chọn tháng Tý là tháng 11 là tháng Tết. Qua đời Đông Chu (hết đời nhà Chu), Khổng Tử theo quan niệm nhà Hạ. Nhưng đến đời nhà Tần (256-206 TCN), tết lại nhảy qua tháng Hợi, tức tháng 10. Cho đến khi nhà Hán (206 TCN-221 Sau CN) lên ngôi trị

vi thiên hạ, theo chủ trương của Khổng Tử nên lấy trở lại như đời trước, nghĩa là tháng Tết là tháng Dần, tức tháng Giêng. Từ đấy mới ổn định luôn tới nay (Nguyễn Hữu Hiệp Tr. 10-11). Còn dân ta theo ảnh hưởng văn hoá Hán thì ăn Tết Nguyên Đán từ bao giờ?

#### Các nghi thức sinh hoạt chính trong dịp Tết cổ truyền

Dân gian vẫn thường nói "Ăn tết chơi xuân"; "No 3 ngày tết, ắm 3 tháng hè"... Như vậy là trong truyền thống "tết" chỉ có 3 ngày: sau lễ "tất niên" vào tối 30 tháng chạp, tết chỉ kéo dài 3 ngày: "mồng một tết cha, mồng hai tết mẹ, mồng ba tết thầy". Thông thường tối 30 các gia chủ rước tổ tiên về ăn cơm "tất niên" để tạ ơn, thờ phụng và chăm nom chu đáo tổ tiên trong 3 ngày, sau đó đến ngày mồng 3 các gia chủ làm lễ tiễn đưa "ông bà ông vải". Ngoài mâm cỗ các gia chủ còn dâng tặng hết cho "ông bà tổ tiên" những thứ mà mình kiếm được trong năm, đặc biệt là gạo và tiền (trước đây là tiền thực chứ không phải tiền "hàng mã" như bây giờ). Trừ các nhà khá giả thì nghi thức thờ phụng

trong ngày tết kéo dài hơn, các nhà nghèo hèn thì ngắn hơn, còn dân thường thì thờ phụng tổ tiên trong 3 ngày, sau đó là "khai xuân", "chơi xuân". Ngoài các lễ hội dân gian, các dịp xuân có việc tảo mộ. Từ mồng 4 tết trở đi các họ bắt đầu tảo mộ. Tất cả các thành viên nam trong dòng họ tập trung lại đi đắp mộ cho tổ tiên- tức là cho mộ những người trong họ. Chính trong dịp này người già chỉ bảo và truyền lại cho con trẻ, trong cả họ, đâu là mộ tổ tiên thuộc đời nào, công đức của các cụ ra sao... Nhờ vào cách thức dân gian này mà các họ ít bị mất "mộ tổ". Việc tảo mộ phải kết thúc trước 14 tháng giêng vì vào 14 hoặc 15 tháng giêng là các họ đã tế tổ tại nhà thờ họ. Dân gian vẫn nói "cả năm được rằm tháng Bảy, Cả thấy được rằm tháng Giêng". Đây là hai lễ tế lớn nhất tại nhà thờ họ trong một năm. Nghi thức thờ phụng tổ tiên trong dịp tết có vậy, còn sau đấy là chơi xuân. Và, với đa phần dân gian, những người lam lũ quanh năm mà vẫn canh cánh lo cái ăn cái mặc thì tháng Giêng là một tháng thật dài: "tháng Giêng ăn nghiêng bỏ thóc", sau tết là đến thời kỳ giáp hạt. Còn tinh thần: "thanh-minh trong tiết tháng ba, Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh" xưa kia có lẽ chỉ tồn tại ở "tầng lớp trên"- tầng lớp thắm đậm văn hoá phương Bắc. Tập quán "chơi thanh minh" phổ biến trong dân gian như bây giờ có lẽ được hình thành muộn hơn.

Cần nhớ rằng trước đây khi mà nông nghiệp chỉ "mỗi năm một vụ" thì thời gian "nông nhàn" kéo dài hết mùa khô, cuối mùa khô người ta mới làm lễ xuống đồng để bắt đầu một chu kỳ nông nghiệp mới. Cách thức "ăn tết" như vừa nói hiện còn phổ biến tại khu vực núi rừng trong cộng đồng các tộc người thiểu số. Tại đây, tết như chúng ta quan niệm là cả một khoảng thời gian kéo dài, những ngày lễ chính đôi khi chỉ được ấn định theo các hiện tượng tự nhiên trong khu vực mà họ cư trú. Ví dụ, khi thấy hoa Ban nở là người Thái ăn tết, còn khi thấy hoa Pơ lang (hoa gạo) nở là dân Tây Nguyên ăn tết... Cái mà chúng ta quan niệm là tết của đồng bào các tộc người là cả một khoảng thời gian kéo dài từ khi kết thúc vụ mùa trước cho tới lúc mở đầu một vụ mùa sau. Trong thời gian ấy dân bản địa thực hành rất nhiều lễ hội. Trên một cái nhìn tổng thể, có thể điểm lại như sau:

Sau vụ thu hoạch, đồng bào đưa lúa về kho làm lễ "Chít măng hơ nam" (đóng cửa kho lúa - tiếng Ba Na). Mục đích của lễ này chủ yếu là để

tạ ơn các vị thần, đặc biệt là "mẹ lúa" đã phù hộ cho một vụ mùa bội thu. Lễ này làm theo từng nhà, ai thu hoạch xong trước thì làm trước, nhưng cả làng cùng chia vui bởi thế mà lễ kéo dài hàng tháng. Sau tết lúa mới, thời tiết ở Tây Nguyên đến đỉnh điểm của mùa khô, đây cũng là mùa dịch bệnh, người Ba Na làm một lễ khác, lễ "Kum pul" ở nhà Rông của làng. Mục đích của lễ này là để tẩy uế, đuổi dịch bệnh, ngăn không cho dịch bệnh từ nghĩa địa tràn vào làng. Bởi thế mà về mặt hình tượng, trong lễ này, người bản địa làm một hình nộm (tiếng Ba Na gọi là Kum Pul) phù phép vào và đặt nó ở đoạn giữa đường từ nghĩa địa đến nhà Rông với niềm tin là các loại "ma dịch bệnh" sẽ bị ngăn chặn. Một khi đã có niềm tin như thế, họ bắt đầu làm lễ bỏ mả hoặc "bỏ ma" mà các tộc người ở Tây Nguyên đều gọi là "Pơ thi". Với hầu hết các tộc người ở Tây Nguyên khi người mới chết chôn ở nghĩa địa cạnh làng thì ma mới vẫn là thành viên của gia đình, nên người thân vẫn phải "nuôi". Cho tới khi người thân, gia chủ đã có đủ điều kiện (chủ yếu là điều kiện vật chất) thì họ làm lễ bỏ mả để chia tài sản, cắt đứt quan hệ giữa ma và người, tiễn biệt ma vĩnh viễn về với tổ tiên. Lễ này thông thường là của từng nhà hoặc của từng dòng họ (các tộc mẫu hệ có tục chôn chung nên họ tổ chức bỏ ma tập thể) nhưng hội thi của cả làng, cả khu vực. Và cũng như lễ ăn cơm mới, lễ bỏ ma cũng kéo dài suốt trong cả mùa ăn chơi (*Khay ning nong*). Cần lưu ý trong nghi thức cuối cùng của lễ bỏ ma (cúng tại từng gia đình), người Tây Nguyên đọc bài khấn cầu may, cầu mùa mới, sau đó thì họ "té nước". Trong trường hợp của người Ba Na, già làng đập vỡ bầu nước cúng rồi té nước ấy vào chủ nhà, chủ nhà té nước lại các già làng, sau đó mọi người té nước cho nhau... Mùa bỏ mả kết thúc vào khoảng tháng ba hàng năm (cuối tháng một của đồng bào) dân bản địa bắt đầu vào rừng để tìm rẫy cho mùa mới.

Có thể nói các tộc người bản địa ở Đông Nam Á, nhất là tại các vùng ít ảnh hưởng văn hoá Hán và văn hoá Ấn Độ thì về thời điểm và cách thức tổ chức tết đều giống nhau, gần như cách vừa mô tả. Thậm chí ngay cả những tộc người đã chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ một cách nặng nề và đã Phật giáo hóa như Thái Lan, Lào và Campuchia... thì cách thức tổ chức tết của họ vẫn còn dáng dấp như trên. Tết "Bun hót nặm" - hội té nước hoặc "Bun pi mày"- hội

năm mới của người Lào, người Thái hoặc là hội Chônchơnamthơmây của người Campuchia... đều được tổ chức vào dịp giữa tháng 3 (dl.) - tại thời điểm kịch cùng của mùa khô sắp chuyển sang mùa mưa. Nghi thức của tết trước tiên là lễ cầu phúc tấy "môn thín" (những điều xui xẻo trong năm cũ); cúng thức ăn và các đồ vật - từ các loại đồ dùng thường nhật đến đồ vàng bạc... rất quý giá khác cho tổ tiên (cúng vào chùa thông qua chùa sẽ gửi tới tổ tiên); sau đó là nghi thức té nước cầu mưa. "Tết" được tổ chức trong 3 ngày nhưng cũng có nơi kéo dài hàng tuần và sinh hoạt chính trong tết là té nước cầu mưa.

Trở lại với các nghi thức tết của người Việt (Kinh). Đã từ lâu đời, người Việt ăn tết Nguyên Đán theo kiểu Hán. Nhưng ngày nay nằm ở tầng chìm trong sinh hoạt của dân gian chúng ta vẫn nhận ra các vết tích "tết bản địa" về thời điểm và các nghi thức trong một số dịp lễ tết.

Hội đền bà Tắm (Nguyên Phi Ý Lan) nay thuộc xã Dương Xá huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, mở vào ngày 19 tháng 2 âm lịch, tương tuyến ngày này là ngày sinh của Bà. Ngày hội được mở đầu bằng đám rước nước. Đám rước khởi hành từ đền thờ bà, đoàn rước đi đến giếng nước cạnh chùa làng Sủi (còn gọi là làng Phú Thị). Lấy xong nước đám rước lại từ giếng trở về đền. Sau kiệu bà là kiệu đựng ché nước. Quy mô đám rước rất lớn cho nên phải mất bốn năm tiếng mới rước được nước về đền.

Hội đình làng Chèm (Thụy Phương, Từ Liêm, thờ Lý Ông Trọng), hàng năm mở 3 ngày từ 14 đến 16 tháng năm âm lịch. Ngày 15 là ngày chính hội. Mở đầu là lễ rước nước, nghi lễ được tiến hành vào buổi sáng. Đoàn người chèo thuyền đến bến nước trước cửa đình, quay thuyền 3 vòng mức nước, lấy xong nước thì xuôi thuyền về bến ngự, rồi lên bộ rước nước về đền để làm lễ mộc dục, để tắm tượng thánh...

Hội làng Bồng Diên nay thuộc xã Tân Lập huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình, hàng năm mở vào ngày 10 tháng 3 âm lịch, chính hội là 2 ngày 14 và 15. Mở đầu là đám rước thánh vào ngày 14. Đám rước đi từ đình ra đến làng vạn (của cư dân vạn chài), hạ kiệu làm lễ, sau đó đưa ché nước cũ xuống thuyền, xuôi thuyền đến ngã ba sông (nơi sông Hồng đổ vào sông Vị Hoàng) thì làm lễ đổ nước cũ xuống sông, lấy nước mới rước về đình để thờ.

Đền Cuông nằm sát đường quốc lộ 1A, nay

thuộc xã Diên Trung thuộc huyện Diên Châu tỉnh Nghệ An. Đây là nơi thờ An Dương Vương. Lễ hội tại đây mở vào 2 mùa Xuân, Thu hàng năm, nhưng lễ chính vào mùa Xuân. Lễ hội diễn ra vào ngày 14, 15, 16 tháng 2 âm lịch. Để mở đầu lễ hội, bao giờ người ta cũng rước chum nước lấy từ nguồn hoặc từ giếng thiêng về đền để thờ...

Thời điểm của các nghi lễ liên quan đến nước như vừa nói đều trùng với thời điểm tết năm mới cổ truyền của các tộc người bản địa ở Đông Nam Á mà chúng ta đã mô tả ở trên. Không chỉ thế mà ngay trong tết Nguyên Đán dân ta vẫn còn lưu truyền tục "tắm tất niên", và tại các miền thôn quê vẫn còn tục lấy nước tinh khiết đựng vào lúc giao thừa. Dân gian vẫn tin rằng ai lấy được nước đầu tiên lúc giao thừa thì năm ấy gia đình sẽ an khang thịnh vượng... Rõ ràng là người Việt đã theo tết Nguyên Đán từ lâu đời nhưng trong các nghi thức sinh hoạt dân gian họ vẫn chưa quên các hoạt động "té nước cầu mưa" - những hoạt động quan trọng trong việc thực hành các lễ nghi nông nghiệp mà cho tới nay vẫn tồn tại phổ biến ở nhiều nơi.

#### Tết Nguyên Đán sẽ là vĩnh cửu?

Đến đây đã có thể nói được rằng "tết" hoặc là "tiết" có liên quan đến sự chuyển đổi tiết- thời tiết/khí hậu, những thời điểm mà nhà nông phải nhận biết để canh tác nông nghiệp. Mỗi năm có rất nhiều tiết, mỗi tiết như thế lại tương ứng với một khâu lao tác trong một chu kỳ sản xuất nông nghiệp. Và với các cư dân nông nghiệp khi mở đầu cho một khâu lao tác họ đều thực hành một lễ tương ứng. Thí dụ: Trong trường hợp người Stiêng, một chu kỳ nông nghiệp rẫy của họ có các lễ chính như sau: *tâm ginl baa* (mở đầu cho việc tria lúa trên rẫy, họ trồng cây bùa hộ mệnh cho lúa - các tộc người làm rẫy khác đều làm như vậy); *Tuyết lòi pla khuôn krong* (làm lễ cúng tại vị trí dành riêng để làm các nghi lễ thờ cúng trên rẫy); *Chích băng* (*chọc măng*: lấy măng chặt thành từng khúc, xâu vào que cắm khắp rẫy lúa cúng để trừ sâu); *Nghi lễ ăn cơm mới*; *Nghi lễ khi suốt được gửi lúa đầu tiên*; *Nghi lễ khi suốt được 100 gửi lúa*; *Lễ nhập kho, đóng cửa kho thóc*- có thể coi lễ này như là việc mở đầu cho mùa lễ hội kéo dài trong 3 tháng tiếp theo, trong thời gian mà người địa phương gọi là "*tháng ăn chơi*" (chi tiết xin xem Nguyễn Duy Thiệu, 1995). Còn trong trường hợp của người Kọ (một tộc người nói

ngôn ngữ Tạng - Miến) ở Bắc Lào chúng tôi đã khảo sát được tới 16 lễ tiết trong một năm (chi tiết xin xem Nguyễn Duy Thiệu, 1992). Còn người Lào thì vẫn nói "hít xíp xoong" tức là những quy định về các lễ tiết trong suốt 12 tháng.

Như đã nói đối với đa số các tộc người canh tác nông nghiệp tại khu vực Đông Nam Á, thì họ chưa có khái niệm về thời điểm cụ thể của tết, mà mùa lễ hội của họ thường kéo dài trong khoảng thời gian 3 tháng. Trong đó, lễ quan trọng nhất được diễn ra tại thời điểm khi mùa mưa sắp bắt đầu. Có lẽ cha ông ta khi xưa cũng "ăn tết" như hầu hết các cư dân trong khu vực và vào một thời gian nào đó mới theo tết Nguyên Đán. Tết Nguyên Đán cũng diễn ra theo tiết, tức là ở thời điểm mà tiết của mùa Đông chuyển sang tiết của mùa Xuân, nhưng như đã nói do kết hợp giữa việc chuyển tiết và tri thức thiên văn để xác định thời điểm cụ thể của tết (tết diễn ra ở thời điểm bắt đầu chu kỳ của một vòng quay của quả đất quanh mặt trời) do đó nhiều khi tết đã đến mà tiết xuân vẫn chưa về, hoặc ngược lại tết chưa đến mà tiết Xuân đã về. "Năm nay Xuân về muộn"- dân gian vẫn thường nói thế.

Có lẽ bởi tính đa dạng về văn hoá ở khu vực mà ngày nay nhiều tộc người ăn nhiều tết trong một năm. Ví dụ như người Lào ăn tết "Bun Pimày" hoặc là "Bun hót nậm" vào giữa tháng 3 dl. hàng năm, nhưng một bộ phận cư dân vẫn theo tết Nguyên Đán - họ gọi là "Bun kinchiêng" (tức ăn tháng Giêng), rồi nếu là cư dân thuộc các tộc thiểu số thì họ lại ăn tết theo tết cổ truyền của tổ tiên. Chưa nói là tết Tây (dương lịch), tết ngày Quốc Khánh... Đa dạng tộc người, đa dạng văn hoá, đa dạng tết như ở ta thật là thú vị. Nhưng như chúng ta đều biết, tết cũng là một hiện tượng văn hoá, cũng như các hiện tượng văn hoá - xã hội khác nó cũng vận hành theo quy luật. Trong thời kỳ hiện đại hoá, công nghiệp hoá và hoà nhập quốc tế... như hiện nay, thì các nhà quản lý đã bước đầu phải đối diện với sự xung đột giữa truyền thống tết trong thực tế và nhu cầu quản lý, nhu cầu phát triển nói chung...Rõ ràng là quá trình phát triển hiện nay đang làm cho các nền văn hoá xích lại gần nhau hơn. Với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, nhất là sự đột phá về giống làm cho "tính thời vụ" trong nông nghiệp dần đổi thay. Ngày nay, do làm chủ được thuỷ lợi nên chỉ còn

rất ít nơi trồng lúa một vụ. Sản xuất biến đổi đương nhiên làm nếp sống cũng biến đổi theo. Bên cạnh tết truyền thống của mình, các tộc người ở nước ta cũng đang dần ăn theo tết Nguyên Đán. Quá trình biến đổi đang tiếp diễn, theo nhịp điệu ngày càng nhanh hơn. Và, ai có thể sống được nghìn tuổi để đến lúc đó thử ngẫm lại so với bây giờ thì tết đã biến đổi như thế nào./.

#### **Tài liệu tham khảo chính**

1. Viện Văn hoá. *Tết năm mới ở Việt Nam*. Nxb. VHTT, Hà Nội, 1999.
2. Nguyễn Hữu Hiệp, *Dân ta ăn tết*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Toan Ánh, *Tìm hiểu phong tục Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên. Hà Nội, 1992.
4. Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Phong trào văn hoá xuất bản. Sài Gòn, 1972.
5. Nguyễn Xuân Kính. *Con người môi trường và văn hoá*. Nxb. KHXH. Hà Nội, 2003.
6. *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1994.
7. Ngô Văn Doanh, *Lễ Hội Ri ja Nugar của người Chăm*, Nxb. VHDT. Hà Nội. 1998.
8. Ngô Văn Doanh, *Lễ hội bỏ mả bắc Tây Nguyên*, Nxb. VHDT. Hà Nội, 1995.
9. Nguyễn Duy Thiệu, *Lễ hội truyền thống và sinh hoạt dân gian của người Lào Thay ở Lào // Văn hóa dân gian*, -H, 1992. Số 2. Tr. 49 – 55.
10. Nguyễn Duy Thiệu. *Một số tín niệm và tập quán của người Kọ ở bắc Lào // Nghiên cứu Đông Nam á*. H, 1992. Số 2. Tr. 84 – 93.
11. Nguyễn Duy Thiệu, *Cột "ăn trâu" // Dân tộc học*. - H, 1992. - Số 3. Tr. 32 – 38.
12. Nguyễn Duy Thiệu, *Sinh hoạt nương rẫy của người Xtiêng// Nghiên cứu Đông Nam Á*. số 1. 1995.
13. Nguyễn Duy Thiệu, *Pơ thi- lễ hội của người Ba - Na và người Gia - Rai ở Tây Nguyên// Dân tộc học*. - H. Số 4. Tr. 39-56.
14. G. Condominas, *Nous avons mangé la forêt (Chúng tôi ăn rừng)*, Flammarion, Paris, 1982
15. Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu Văn Hoá và Tộc người*, Nxb. VHTT. Hà Nội, 1996.